

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/3/2025
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Niê Y Ling (Ma Bin) và Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Sơn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05/12/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2025 của TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hoang (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và ông Nguyễn Thành T (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau; mỗi lần cãi nhau bị đơn hay đập đồ nhà cửa, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nguyên đơn nhưng vì con nên nguyên đơn đều chịu nhịn. Đến nay con đã lớn, hiểu và thông cảm nên xét thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, không còn tình cảm, đã sống ly

thân lâu. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Về con chung: Có 01 con chung: Nguyễn Quỳnh Tú Tr, sinh ngày 09/5/2001; con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn đến Tòa để hoà giải nhưng bị đơn không đến, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án lập biên bản hoà giải không được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Sông Hình phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Nguyễn Quỳnh Tú Tr, sinh ngày 09/5/2001; con đã thành niên, có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 quyển số 01 ngày 05/6/2001 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hai bên đến Tòa để hoà giải nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì lý do vợ chồng sống không có hạnh

phúc, đã ly thân lâu, không còn tình cảm với nhau là phù hợp với Biên bản xác minh ngày 08/01/2025 tại Hội phụ nữ thị trấn Hai Riêng.

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung: Nguyễn Quỳnh Tú Tr, sinh ngày 09/5/2001, đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001973 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị H được ly hôn bị đơn Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Nguyễn Quỳnh Tú Tr sinh ngày 09/5/2001, đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001973 ngày 05/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND xã An Cư, h. Tuy An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN

BÙI CHÂU KHA

HUỲNH THỊ THU SƯƠNG